

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	13 - 43



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà - CTCP được cổ phần hóa từ Tổng công ty Sông Đà (Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng). Tổng công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 06 vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 với mã số doanh nghiệp là 0100105870, vốn điều lệ là 4.495.371.120.000 VND, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 7 năm 2020 thay đổi địa chỉ trụ sở chính.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (024) 3 854 1164
- Fax : (024) 3 854 1161
- Email : banbientap@songda.vn
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0100105870

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty là Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC); kinh doanh điện thương phẩm và cho thuê văn phòng.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Chủ tịch	Ngày 09 tháng 4 năm 2018
Ông Trần Văn Tuấn	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Tùng	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Văn Quân	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Đặng Quốc Bảo	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2018

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Thắng	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 4 năm 2018
Bà Trần Thị Mỹ Hào	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2018
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Ngày 06 tháng 6 năm 2019

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	Ngày 10 tháng 4 năm 2018
Ông Phạm Đức Thành	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 08 tháng 7 năm 2018
Ông Nguyễn Văn Thự	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 09 tháng 9 năm 2019

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp này là Ông Trần Văn Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2018).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Head Office	: 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970	kttv@a-c.com.vn
Branch in Hà Nội	: 40 Giang Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869	kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang	: Lot STH 06A.01, Lê Hồng Phong II Urban Area, Phước Hải Ward, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806	kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Cần Thơ	: I5-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Răng Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996	kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0354/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà – CTCP tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số I.5 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tổng công ty chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa có Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức – Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1



Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2963-2020-008-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.432.386.352.910	6.822.724.244.608
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	287.329.109.189	100.119.976.513
1. Tiền	111		287.329.109.189	100.119.976.513
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		21.381.661.250	115.317.637.140
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	21.381.661.250	21.381.661.250
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(1.064.024.110)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.b	-	95.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.047.616.591.947	6.533.168.219.877
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	1.188.709.468.044	1.899.611.214.894
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	90.750.003.468	126.161.449.240
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	2.599.305.341.915	3.088.724.764.043
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	1.241.091.708.278	1.550.075.160.202
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(72.239.929.758)	(131.404.368.502)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		41.133.973	2.310.730.984
1. Hàng tồn kho	141		41.133.973	2.310.730.984
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		76.017.856.551	71.807.680.094
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		53.708.179.933	48.278.670.567
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.648.078.493	23.517.992.162
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	661.598.125	11.017.365
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.995.595.431.695	8.414.399.864.905
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.183.853.026.116	1.000.846.489.670
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	477.304.492.410	257.436.340.639
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	706.548.533.706	743.410.149.031
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		813.856.029.166	850.337.854.742
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	813.840.195.851	850.284.021.423
<i>Nguyên giá</i>	222		1.100.810.027.115	1.100.810.027.115
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(286.969.831.264)	(250.526.005.692)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9b	15.833.315	53.833.319
<i>Nguyên giá</i>	228		1.714.684.123	1.714.684.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.698.850.808)	(1.660.850.804)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.849.426.755	48.849.426.755
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	48.849.426.755	48.849.426.755
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		6.896.146.328.099	6.454.712.458.099
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2c	3.868.624.290.939	3.915.664.290.939
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2c	3.030.974.293.010	2.544.735.423.010
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	208.311.087.205	208.311.087.205
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2c	(211.763.343.055)	(213.998.343.055)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		52.890.621.559	59.653.635.639
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		52.890.621.559	59.653.635.639
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		14.427.981.784.605	15.237.124.109.513

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.782.668.986.777	10.660.283.120.855
I. Nợ ngắn hạn	310		4.675.621.525.363	6.758.179.935.263
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	1.887.085.783.528	3.344.443.943.679
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	46.881.025.516	37.944.371.235
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	460.266.303	696.794.837
4. Phải trả người lao động	314		14.809.943.234	6.051.098.476
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	351.011.505.373	564.451.597.275
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	35.810.930.938	9.138.077.363
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	865.202.786.027	1.213.331.087.682
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	1.472.313.568.649	1.580.469.301.239
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2.045.715.795	1.653.663.477
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.107.047.461.414	3.902.103.185.592
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.552.386.407.049	408.137.888.346
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	144.454.262.248	148.289.331.156
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	605.570.164.157	69.519.820.517
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	2.804.636.627.960	3.276.156.145.573
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.645.312.797.828	4.576.840.988.658
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	4.645.312.797.828	4.576.840.988.658
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.495.371.120.000	4.495.371.120.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		14.743.759.363	14.743.759.363
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		135.197.918.465	66.726.109.295
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		58.429.495.867	66.726.109.295
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		76.768.422.598	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		14.427.981.784.605	15.237.124.109.513

Người lập biểu



Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng



Vũ Đức Quang

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	627.293.619.400	495.537.446.335
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		67.336.974	989.166.098
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		627.226.282.426	494.548.280.237
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	543.317.702.210	460.135.137.500
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		83.908.580.216	34.413.142.737
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	248.537.585.920	399.406.109.560
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	226.986.670.809	283.110.879.879
Trong đó: chi phí lãi vay	23		229.557.398.047	274.725.566.983
9. Chi phí bán hàng	25		-	-
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	(9.908.473.104)	76.503.669.175
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		115.367.968.431	74.204.703.243
12. Thu nhập khác	31	VI.6	1.731.372.858	7.150.695.225
13. Chi phí khác	32	VI.7	40.330.918.691	49.686.390.825
14. Lợi nhuận khác	40		(38.599.545.833)	(42.535.695.600)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		76.768.422.598	31.669.007.643
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		76.768.422.598	31.669.007.643
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	76.768.422.598	31.669.007.643
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	36.481.825.576	36.987.990.576
- Các khoản dự phòng	03	(62.463.462.854)	49.297.115.399
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(33.814.328.873)	27.886.822.797
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(214.569.404.014)	(399.497.555.548)
- Chi phí lãi vay	06	229.557.398.047	228.827.692.753
- Các khoản điều chỉnh khác	07	131.133.250	6.618.410.584
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	32.091.583.730	(18.210.515.796)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	599.717.311.269	461.752.886.849
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	2.269.597.011	5.562.705.895
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	314.011.272.237	(414.414.094.826)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.333.504.714	645.826.148
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(776.905.944.792)	(100.904.328.740)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(7.904.561.110)	(8.592.346.110)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	164.612.763.059	(74.159.866.580)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	-	(517.300.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	285.847.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(81.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	221.157.673.906	65.813.295.314
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	324.472.558.265	287.639.151.126
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	464.630.232.171	353.220.993.712

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	389.525.351.578	214.035.267.760
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(830.957.558.155)	(450.877.754.501)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(441.432.206.577)	(236.842.486.741)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		187.810.788.653	42.218.640.391
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	100.119.976.513	57.903.441.882
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(601.655.977)	(2.105.760)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	287.329.109.189	100.119.976.513

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Sông Đà - CTCP (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC); kinh doanh điện thương phẩm và cho thuê văn phòng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Các vấn đề có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa bao gồm các điều chỉnh liên quan đến việc quyết toán công tác cổ phần hóa do Tổng công ty chưa nhận được Quyết định phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần (ngày 06 tháng 4 năm 2018).

6. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Tổng công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

7. Cấu trúc Tổng công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Số 105 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tầng 2, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10- 11, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Phòng 501, tầng 5, số 121 Trần Đăng Ninh, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96, đường Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Sản xuất điện thương phẩm	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	Sản xuất điện thương phẩm	68,93%	58,58%	68,93%
Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn	Ấp Thanh Thủy, Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	Sản xuất điện thương phẩm	50,96%	50,96%	50,96%
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Xóm 7, xã Cẩm Trung, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Km 10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Số nhà 16, LK 11b, khu đô thị mới Mỗ Lao, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	Lô A38, khu dịch vụ Đồng Dưa, phường Hà Cầu, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Sản xuất điện thương phẩm	35,11%	35,11%	35,11%
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, xã Quất Lưu, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thu phí đường bộ	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Bất động sản	36,35%	36,35%	36,35%
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 5 nhà G10, số 493 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân Nam, Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, xã Phú Riềng, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Sản xuất, xuất nhập khẩu cao su	25,00%	25,00%	25,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Văn phòng Đại diện Tổng công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Thôn 5, xã Đắc Sin, huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắk Nông
Ban điều hành dự án Thủy điện Bản Vẽ	Xã Yên Na, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Nhà máy Thủy điện Yaly Mở rộng	153 Trần Nhân Tông, Tổ 7 - Phường Thắng Lợi - Thành phố Kon Tum - Kon Tum
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Giang Nam, tỉnh Quảng Nam
Ban điều hành gói thầu số 4	Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
Ban quản lý dự án Thủy điện Sê Kông 3	Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

9. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng công ty có 120 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 129 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Bưu điện Liên Việt.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh của Tổng công ty là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV Vietnam Partners (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán vào doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán: giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.
- Đối với cổ phiếu đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết và các doanh nghiệp Nhà nước thực hiện cổ phần hóa dưới hình thức chào bán chứng khoán ra công chúng (UPCOM): giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm kết thúc năm tài chính do Sở Giao dịch chứng khoán công bố.
- Trường hợp cổ phiếu đã niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc cổ phiếu của công ty cổ phần đã đăng ký giao dịch trên thị trường Upcom không có giao dịch trong vòng 30 ngày trước ngày trích lập dự phòng, cổ phiếu đã niêm yết bị hủy niêm yết, bị đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch: việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của công ty được đầu tư mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Tổng công ty so với tổng số vốn điều lệ thực góp.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trên cơ sở dự thu.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và các đơn vị khác

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ theo dõi số lượng, không ghi nhận giá trị.

Đánh giá lại

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp theo giá trị định giá lại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 cộng thêm phần cổ tức nhận được bằng cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phát sinh sau thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 đến thời điểm ngày 05 tháng 4 năm 2018 được ghi nhận theo giá trị thị trường tại ngày này.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đơn vị khác

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Tổng công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là Nguyên vật liệu bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Giá trị thương hiệu Sông Đà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm kể từ thời điểm Tổng công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Chi phí quản lý Ban điều hành

Chi phí quản lý Ban điều hành được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ không lớn hơn phần thu phí mà Ban điều hành được hưởng trong kỳ. Trường hợp chi phí quản lý Ban điều hành đã chi lớn hơn phần phụ phí Ban điều hành được hưởng trong kỳ thì phần chênh lệch được phản ánh như một khoản chi phí trả trước.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 47
Máy móc và thiết bị	05 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10
Tài sản cố định khác	03 – 25

Đối với các tài sản cố định hữu hình được mua sắm, xây dựng trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/12/2014): Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2014 được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

Đối với các tài sản cố định vô hình được mua sắm trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa (31/12/2014): Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2014 được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo qui định. Thời gian khấu hao của các tài sản này là thời gian sử dụng còn lại ước tính.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

12. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh theo mệnh giá tại ngày phát hành.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

15. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.151.393.283	749.036.869
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	285.177.715.906	99.370.939.644
Cộng	287.329.109.189	100.119.976.513

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh gồm các cổ phiếu được nhận khi rút vốn khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam, được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS với Tổng công ty Sông Đà.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng.

2c. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	64.464.000.000	64.464.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	72.975.500.000	72.975.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	196.843.824.000	196.843.824.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	339.023.100.000	339.023.100.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	305.867.224.224	305.867.224.224
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	417.736.289.900	417.736.289.900
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	12.750.000.000	12.750.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	228.073.875.831	228.073.875.831
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	981.194.316.519	981.194.316.519
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	1.010.880.360.000	1.010.880.360.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	15.973.200.000	15.973.200.000
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	222.842.600.465	222.842.600.465
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	-	47.040.000.000
Cộng	3.868.624.290.939	3.915.664.290.939

2d. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị ghi sổ	3.030.974.293.010	2.544.735.423.010
Dự phòng	(130.356.251.832)	(131.856.251.832)

2e. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị ghi sổ	208.311.087.205	208.311.087.205
Dự phòng	(4.928.091.223)	(4.928.091.223)

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (i) Các khoản đầu tư có giá trị ghi sổ là 5.506.811.053.265 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho Trái phiếu Sông Đà và khoản vay tại các Ngân hàng.
- (ii) Chi tiết các khoản đầu tư từ vốn nhận ủy thác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	39.866.880.000	38.718.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	9.400.000.000	9.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	1.005.720.000	1.005.720.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	6.875.500.000	6.875.500.000
Cộng	58.448.100.000	57.299.220.000

Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư có giá niêm yết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Số đầu năm	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	64.464.000.000	70.176.000.000	64.464.000.000	24.480.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	72.975.500.000	57.577.000.000	72.975.500.000	24.771.500.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	196.843.824.000	205.184.664.000	196.843.824.000	140.126.112.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	339.023.100.000	196.633.398.000	339.023.100.000	67.804.620.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	305.867.224.224	288.387.993.600	305.867.224.224	154.207.468.800
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	417.736.289.900	239.466.663.000	417.736.289.900	119.733.331.500
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	1.010.880.360.000	731.349.964.800	1.010.880.360.000	610.044.321.600
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	15.973.200.000	12.778.560.000	15.973.200.000	15.440.760.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	84.000.000.000	93.000.000.000	84.000.000.000	44.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	1.065.245.494.600	3.423.160.684.000	1.065.245.494.600	1.175.146.015.300
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	47.040.000.000	69.384.000.000	47.040.000.000	30.576.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	12.005.000.000	7.105.000.000	12.005.000.000	735.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	23.838.175.200	23.519.160.000	23.838.175.200	8.867.880.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	51.820.100.000	109.846.200.000	51.820.100.000	72.982.560.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	55.396.800.278	160.238.042.300	55.396.800.278	290.664.355.800
Công ty Cổ phần Thủy điện Sử Pán 2	35.258.322.110	84.187.000.000	35.258.322.110	56.318.200.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	6.875.500.000	9.281.925.000	6.875.500.000	5.844.175.000

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	213.998.343.055	188.519.518.760
Trích lập dự phòng	-	25.478.824.295
Hoàn nhập dự phòng	(2.235.000.000)	-
Số cuối năm	211.763.343.055	213.998.343.055

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng công ty với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (Sông Đà 2)		
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 2	6.919.388	2.815.769.252
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 2	8.984.015	767.024.378
Cổ tức nhận từ Sông Đà 2		-
Công ty Cổ phần Sông Đà 3 (Sông Đà 3)		
Doanh thu phụ phí, phí bảo lãnh phải thu Sông Đà 3	12.252.283.708	-
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 3	-	293.171.970
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 3	54.053.028.266	5.474.321.612
Công ty Cổ phần Sông Đà 4 (Sông Đà 4)		
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 4	-	2.046.928.297
Lãi cho vay	951.703.642	1.468.445.849
Doanh thu phí bảo lãnh phải thu Sông Đà 4	97.838.309	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (Sông Đà 5)		
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 5	-	3.487.612.155
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 5	4.545.455	68.190.000
Cổ tức nhận từ Sông Đà 5	16.681.680.000	11.677.176.000
Giảm trừ giá vốn	(4.076.724.308)	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 (Sông Đà 6)		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 6	7.094.068.295	362.205.951
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 6	34.735.850.138	4.291.576.734
Cổ tức		6.780.462.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 (Sông Đà 9)		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sông Đà 9	590.306.494	948.454.580
Chi phí công trình nhận từ Sông Đà 9	(6.477.379.702)	1.532.384.689
Cổ tức	-	8.010.777.600
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 (Sông Đà 10)		
Doanh thu Khối lượng xây lắp phải thu SĐ 10.4	598.233.620	5.307.362.572
Doanh thu phí bảo lãnh phải thu Sông Đà 10	225.145.533	140.498.793
Chi phí Công trình phải trả Sông Đà 10	(5.351.591.452)	3.873.883.673
Cổ tức	-	10.642.962.800
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A (Sê San 3A)		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Sê San 3A	-	58.466.234
Cổ tức	57.120.000.000	42.840.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến (Nậm Chiến)		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Nậm Chiến	81.369.071	104.903.170
Cổ tức	-	77.779.867.500
Giảm trừ giá vốn	(742.334.462)	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đơn (Cản Đơn)		
Giá vốn điện thương phẩm nhận từ Cản Đơn	313.053.451.562	245.408.278.258
Cổ tức	-	73.838.217.600
Lãi cho vay	1.376.164.062	2.378.606.648

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (Tư vấn Sông Đà)		
Doanh thu từ hoạt động thuê nhà phải thu Tư vấn Sông Đà	416.724.916	563.558.601
Cổ tức phải thu Tư vấn Sông Đà	665.550.000	665.280.720
Doanh thu phí bảo lãnh phải thu Tư vấn Sông Đà	-	6.038.356
Chi phí Công trình phải trả Tư vấn Sông Đà	-	283.014.226
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà (Cơ khí Lắp máy Sông Đà)		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho Cơ khí Lắp máy Sông Đà	-	554.949.246
Lãi cho vay	245.938.762	315.369.829
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (Điện Việt Lào)		
Lãi cho vay	60.739.845.042	77.540.564.445
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa (nhà Khánh Hòa)		
Doanh thu dịch vụ cung cấp cho nhà Khánh Hòa		9.491.693
3. Phải thu của khách hàng		
3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	729.155.639.597	1.088.588.786.932
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	-	1.066.084.924
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	102.594.283
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	1.302.121.882
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	-	2.255.808.919
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	1.580.598.208	2.580.598.208
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	137.315.045	309.316.298
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	146.006.357.267	155.939.962.851
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	69.473.515
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	-	122.384.771
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	-	481.438.926
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	-	1.120.036.661
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	-	10.440.863
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	2.945.011.267	3.761.504.064
Công ty TNHH Điện Xekaman1	363.859.865.762	356.768.260.616
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	214.626.492.048	562.698.760.151
Phải thu các khách hàng khác	459.553.828.447	811.022.427.962
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội	11.683.977.458	37.296.961.773
Ban Quản lý Dự án Thủy điện 4	60.998.470.051	60.998.470.051
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	103.673.359.717	105.181.834.528
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin	17.700.382.919	36.710.178.637
Ban quản lý Dự án Thủy điện 2	105.306.176.854	378.881.468.411
Liên danh CMC/ITD/Song Đà	48.482.648.803	28.507.591.468
Công ty Cổ phần Thủy điện Hòa Na	14.844.788.087	46.367.015.302
Các khách hàng khác	96.864.024.558	117.078.907.792
Cộng	1.188.709.468.044	1.899.611.214.894

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**3b. Phải thu dài hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	465.257.267.626	151.631.727.493
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	19.002.468.644	19.002.468.644
Công ty TNHH Điện Xekaman1	133.039.572.980	132.629.258.849
Công ty TNHH Điện Xekaman3	313.215.226.002	-
Phải thu các khách hàng khác	12.047.224.784	105.804.613.146
Ban quản lý Dự án Thủy điện 1	10.774.807.148	104.532.195.510
Ban quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	1.272.417.636	1.272.417.636
Cộng	477.304.492.410	257.436.340.639

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	48.420.196.456	69.308.791.025
Công ty cổ phần Sông Đà 3	-	200.000.000
Công ty cổ phần Sông Đà 4	4.519.505.463	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	6.938.949.731	13.534.073.483
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	13.146.373.783	13.606.373.783
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	19.875.889.041	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	961.835.591	2.747.108.285
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	260.568.300	260.568.300
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	800.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	2.717.074.547	33.160.667.174
Trả trước cho người bán khác	42.329.807.012	56.852.658.215
Cộng	90.750.003.468	126.161.449.240

5. Phải thu về cho vay**5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	646.710.030.834	1.029.061.089.810
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	3.857.261.632	4.043.332.337
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	2.854.832.624	3.533.697.997
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	2.027.453.211	2.027.453.211
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	637.970.483.367	1.019.456.606.265
Phải thu các tổ chức	1.952.595.311.081	2.059.663.674.233
Cộng	2.599.305.341.915	3.088.724.764.043

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	147.708.016.960	155.421.122.033
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	92.317.509.452	97.138.200.111
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	55.390.507.508	58.282.921.922
Phải thu các tổ chức	558.840.516.746	587.989.026.998
Cộng	706.548.533.706	743.410.149.031

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	399.208.805.746	589.770.615.117
<u>Phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia</u>	<u>346.223.828.156</u>	<u>515.959.179.456</u>
<u>Phải thu các khoản khác</u>	<u>52.984.977.590</u>	<u>71.958.591.695</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	-	81.320.432
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	185.332.000	1.211.006.292
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	1.116.836.930
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	-	238.194.259
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	10.599.760.539	380.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	176.116.517	246.453.580
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	69.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	4.011.346.132	21.988.834.619
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	37.665.053.522	37.665.053.523
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	26.242.254	26.242.254
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	135.567.867	135.567.867
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 1	116.558.759	942.053.461
Công ty TNHH điện Xekaman 3	-	7.227.543.395
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	-	56.724.221
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	-	137.334.225
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	-	5.426.637
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	<u>841.882.902.532</u>	<u>962.157.389.051</u>
Cộng	<u>1.241.091.708.278</u>	<u>1.550.075.160.202</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	131.404.368.502	107.772.158.425
Trích lập dự phòng bổ sung	2.800.494.413	51.858.272.935
Hoàn nhập dự phòng	(61.964.933.157)	(28.226.062.858)
Số cuối năm	<u>72.239.929.758</u>	<u>131.404.368.502</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	682.981.810.198	88.310.489.012	46.467.065.441	11.969.999.110	271.080.663.354	1.100.810.027.115
Số cuối năm	682.981.810.198	88.310.489.012	46.467.065.441	11.969.999.110	271.080.663.354	1.100.810.027.115
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.605.218.900	747.828.080	18.210.637.995	11.054.583.747	2.610.882.465	34.229.151.187
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	89.764.244.993	47.452.282.177	27.041.905.209	10.975.258.271	75.292.315.042	250.526.005.692
Khấu hao trong năm	16.869.166.584	5.678.077.416	1.298.237.441	994.740.839	11.603.603.292	36.443.825.572
Số cuối năm	106.633.411.577	53.130.359.593	28.340.142.650	11.969.999.110	86.895.918.334	286.969.831.264
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	593.217.565.205	40.858.206.835	19.425.160.232	994.740.839	195.788.348.312	850.284.021.423
Số cuối năm	576.348.398.621	35.180.129.419	18.126.922.791	-	184.184.745.020	813.840.195.851

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 811.532.369.134 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tài sản cố định khác (website)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	337.478.200	1.187.205.923	190.000.000	1.714.684.123
Số cuối năm	337.478.200	1.187.205.923	190.000.000	1.714.684.123
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	337.478.200	1.187.205.923	-	1.524.684.123
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	337.478.200	1.187.205.923	136.166.681	1.660.850.804
Khấu hao trong năm	-	-	38.000.004	38.000.004
Số cuối năm	337.478.200	1.187.205.923	174.166.685	1.698.850.808
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	-	-	53.833.319	53.833.319
Số cuối năm	-	-	15.833.315	15.833.315

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí Dự án Thủy điện Sekong 3.

11. Phải trả người bán**11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.539.962.507.437	2.607.285.827.293
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	10.724.350.749	7.374.590.516
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	109.112.867.997	180.200.612.485
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	19.584.493.213	173.971.350.221
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	27.131.206.710	164.081.687.387
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	28.639.287.815	206.754.603.855
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	116.648.916.639	328.765.968.224
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	354.526.256.745	560.904.680.180
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	-	484.124.017
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	-	172.001.253
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	779.621.039.505	606.933.721.460
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	3.998.189.331	10.151.740.841
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	191.266.769	137.098.119.879
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	740.791.606	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	67.070.600.000
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.874.115.291	4.704.958.686
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	1.127.653.180	9.699.131.134
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	-	1.254.400.146
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 10.1	16.302.485.195	146.980.910.227
Công ty Cổ phần Sông Đà 27	668.986.692	668.986.692
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	-	13.640.090

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các nhà cung cấp khác	347.123.276.091	737.158.116.386
Công ty Cổ phần Lilama 10	15.824.666.806	74.581.442.186
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	12.058.634.863	78.594.880.627
Công ty cổ phần Sông Đà 7	40.121.413.728	71.249.214.917
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	51.564.196.184	91.230.233.155
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	11.172.058.272	67.205.116.399
Các nhà cung cấp khác	216.382.306.238	354.297.229.102
Cộng	1.887.085.783.528	3.344.443.943.679

11b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.290.364.864.495	325.590.184.766
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.107.393.817	1.086.331.251
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	11.565.059.291	11.565.059.291
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	190.378.138.886	44.469.779.277
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	161.871.309.018	37.509.368.291
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	203.329.705.918	65.839.667.822
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	207.732.116.867	32.810.107.474
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	258.973.079.314	76.526.740.508
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	1.364.421.130	3.965.569.807
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	4.472.633.265	1.050.218.414
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	111.950.362.461	28.706.322.084
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	822.909.017	1.863.279.076
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	134.238.110.563	19.472.790.261
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	2.559.624.948	724.951.210
Phải trả các nhà cung cấp khác	262.021.542.554	82.547.703.580
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	45.045.055.007	21.539.104.116
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	35.029.214.896	1.231.308.050
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 - Thăng Long	36.151.223.847	8.221.887.194
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	64.197.770.402	-
Các nhà cung cấp khác	81.598.278.402	51.555.404.220
Phải trả các bên liên quan	1.552.386.407.049	408.137.888.346

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	3.158.642.334	30.209.026.717
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	580.083.678	580.083.678
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	200.000.000	200.000.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	2.318.558.656	7.009.634.556
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	-	22.359.308.483
Trả trước của các khách hàng khác	43.722.383.182	7.735.344.518
Cộng	46.881.025.516	37.944.371.235

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	169.505.452	-	8.635.815.617	(9.432.939.334)	22.962.495	650.580.760
Thuế thu nhập cá nhân	397.409.250	11.017.365	413.702.370	(503.687.947)	307.423.673	11.017.365
Tiền thuê đất	-	-	12.349.832.383	(12.349.832.383)	-	-
Các loại thuế khác	121.385.634	-	3.000.000	(3.000.000)	121.385.634	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.494.501	-	2.153.177.705	(2.153.177.705)	8.494.501	-
Cộng	696.794.837	11.017.365	23.555.528.075	(24.442.637.369)	460.266.303	661.598.125

Thuế giá trị gia tăng

Tổng công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.768.422.598	31.669.007.643
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	44.652.000.045	59.230.002.300
- Các khoản điều chỉnh tăng	44.652.000.045	59.230.002.300
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	121.420.422.643	90.899.009.943
Thu nhập được miễn thuế	(85.815.759.000)	(237.125.117.204)
Lỗi các năm trước được chuyển	(35.604.663.643)	-
Thu nhập tính thuế	-	(146.226.107.261)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Chi tiết chuyển lỗ

	Lỗ được chuyển	Lỗ chuyển trong năm 2021	Lỗ còn được chuyển
Năm 2018	266.646.773.784	(35.604.663.643)	231.042.110.141
Năm 2019	135.697.221.356	-	135.697.221.356
Năm 2020	146.226.107.261	-	146.226.107.261
Cộng	548.570.102.401	(35.604.663.643)	512.965.438.758

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Các loại thuế khác**

Tổng công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí ban điều hành	-	741.921.409
Chi phí lãi vay	27.101.790.269	240.164.380.712
Chi phí lãi trái phiếu	2.742.465.753	299.178.082
Chi phí công trình xây dựng	153.262.465.950	195.943.440.691
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	167.904.783.401	127.302.676.381
Cộng	351.011.505.373	564.451.597.275

15. Doanh thu chưa thực hiện

Là các khoản tiền cho thuê văn phòng khách hàng trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	35.810.930.938	9.138.077.363
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	144.454.262.248	148.289.331.156
Cộng	180.265.193.186	157.427.408.519
Trong đó: Doanh thu chưa thực hiện của bên liên quan	71.487.955.244	73.365.237.977

16. Phải trả khác**16a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	210.612.655.776	224.462.277.924
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.093.041.764	1.093.041.764
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	168.420.093	168.420.093
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	4.515.237.846	4.515.237.846
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	272.532.734	272.532.734
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	18.638.522.016	27.750.934.434
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	39.069.000	39.069.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	26.858.664	26.858.664
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	185.858.973.659	186.168.885.118
Công ty TNHH MTV Sông Đà 2 E&C	-	13.200.000
Công ty TNHH điện Xekaman 3	-	4.414.098.271
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	654.590.130.251	988.868.809.758
Kinh phí công đoàn	549.898.218	608.618.006
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	118.719.063	65.457.628
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.137.951.727	12.845.994.177
Các quỹ tự nguyện	20.259.048.446	20.524.831.544
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	66.493.389.292	403.222.633.265
Phải trả về cổ phần hoá	901.280.000	901.280.000
Các khoản chờ quyết toán cổ phần hóa	473.711.066.726	473.711.066.726
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	78.418.776.779	76.988.928.412
Cộng	865.202.786.027	1.213.331.087.682

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16b. Phải trả dài hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.000.000.000	6.000.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 2 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần thủy điện Đăkrink	600.000.000	600.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Sông Đà 10 đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	3.000.000.000	3.000.000.000
Nhận vốn từ Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà đầu tư ủy thác vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	2.400.000.000	2.400.000.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	599.570.164.157	63.519.820.517
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	531.947.114.337	-
Phải trả người ủy thác đầu tư	52.448.100.000	51.299.220.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	15.174.949.820	12.220.600.517
Cộng	605.570.164.157	69.519.820.517

17. Vay**17a. Vay ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả bên liên quan	30.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	30.000.000.000	30.000.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	65.055.643.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam	-	15.055.643.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	-	50.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	252.888.819	252.888.819
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	1.442.060.679.830	1.485.160.769.420
Cộng	1.472.313.568.649	1.580.469.301.239

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn bên liên quan	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay ngắn hạn các cá nhân	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	30.000.000.000	65.055.643.000	252.888.819	1.485.160.769.420	1.580.469.301.239
Số tiền vay phát sinh trong năm	-	39.656.484.828	-	-	39.656.484.828
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	-	-	89.645.189.214	89.645.189.214
Số tiền vay đã trả trong năm	-	(104.712.127.828)	-	(16.245.430.327)	(120.957.558.155)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm	-	-	-	(116.499.848.477)	(116.499.848.477)
Cộng	30.000.000.000	-	252.888.819	1.442.060.679.830	1.472.313.568.649

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17b. Vay dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	2.124.636.627.960	2.236.156.145.573
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường	2.058.470.612.234	2.165.964.618.092
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt	66.166.015.726	70.191.527.481
Trái phiếu thường	680.000.000.000	1.040.000.000.000
Cộng	2.804.636.627.960	3.276.156.145.573

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	2.954.953.138.761	830.316.510.801	385.624.870.336	1.739.011.757.624
Vay dài hạn các tổ chức khác	611.744.169.029	611.744.169.029	-	-
Trái phiếu thường	680.000.000.000	-	680.000.000.000	-
Cộng	4.246.697.307.790	1.442.060.679.830	1.065.624.870.336	1.739.011.757.624
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	3.051.841.464.190	815.685.318.616	417.781.918.194	1.818.374.227.379
Vay dài hạn các tổ chức khác	669.475.450.804	669.475.450.804	-	-
Trái phiếu thường	1.040.000.000.000	-	1.040.000.000.000	-
Cộng	4.761.316.914.993	1.485.160.769.420	1.457.781.918.194	1.818.374.227.379

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Vay dài hạn ngân hàng</u>	<u>Trái phiếu thường</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	2.236.156.145.573	1.040.000.000.000	3.276.156.145.573
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(89.645.189.214)	-	(89.645.189.214)
Phát hành trái phiếu trong năm	-	350.000.000.000	350.000.000.000
Thanh toán trái phiếu	-	(710.000.000.000)	(710.000.000.000)
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	(21.874.328.399)	-	(21.874.328.399)
Số cuối năm	2.124.636.627.960	680.000.000.000	2.804.636.627.960

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	510.841.613	1.142.821.864	1.653.663.477
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	5.807.629.400	2.488.984.028	8.296.613.428
Chi quỹ trong năm	(4.803.200.000)	(3.101.361.110)	(7.904.561.110)
Số cuối năm	1.515.271.013	530.444.782	2.045.715.795

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	4.495.371.120.000	14.743.759.363	49.765.312.886	4.551.849.055.742
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	31.669.007.643	31.669.007.643
Trích lập các quỹ	-	-	(14.708.211.234)	(6.677.074.727)
Số dư cuối năm trước	4.495.371.120.000	14.743.759.363	66.726.109.295	4.576.840.988.658
Số dư đầu năm nay	4.495.371.120.000	14.743.759.363	66.726.109.295	4.576.840.988.658
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	76.768.422.599	76.768.422.599
Trích lập các quỹ	-	-	(8.296.613.428)	(8.296.613.428)
Số dư cuối năm nay	4.495.371.120.000	14.743.759.363	135.197.918.466	4.645.312.797.829

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn nhà nước	4.485.961.120.000	4.485.961.120.000
Vốn đối tượng khác	9.410.000.000	9.410.000.000
Cộng	4.495.371.120.000	4.495.371.120.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	449.537.112	449.537.112
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu phổ thông	449.537.112	449.537.112
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	86.667,70	486.406.320
Euro (EUR)	0,01	280
Yên Nhật (¥)	6,00	1.316

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	198.831.590.224	116.350.151.981
Doanh thu bán điện	323.421.688.734	245.408.278.258
Doanh thu bán thiết bị	-	7.138.451.044
Doanh thu cho thuê văn phòng	100.120.026.292	101.160.770.524
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	4.920.314.150	25.479.794.528
Cộng	627.293.619.400	495.537.446.335

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	159.365.439.858	113.820.787.519
Giá vốn kinh doanh điện	323.421.688.734	245.408.278.258
Giá vốn thiết bị	-	7.138.451.044
Giá vốn cho thuê văn phòng	62.423.815.347	68.891.067.887
Giá vốn dịch vụ khác	-	24.876.552.792
Cộng	543.317.702.210	460.135.137.500

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	153.853.033	134.765.701
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.793.550.359	7.237.410.286
Lãi tiền cho vay	125.960.094.655	154.849.180.786
Cổ tức, lợi nhuận được chia	85.815.759.000	237.125.117.204
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	-	59.635.583
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	33.814.328.873	-
Cộng	248.537.585.920	399.406.109.560

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	75.517.700.654	111.154.378.059
Chi phí lãi trái phiếu	154.039.697.393	111.054.904.110
Chi phí phát hành trái phiếu	-	6.618.410.584
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	23.980.748	6.364.353
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	27.886.822.797
Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá các khoản đầu tư tài chính	(3.299.024.110)	25.664.905.322
Chi phí tài chính khác	704.316.124	725.094.654
Cộng	226.986.670.809	283.110.879.879

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	28.401.596.144	23.901.798.931
Chi phí vật liệu quản lý	571.003.648	608.388.254
Chi phí đồ dùng văn phòng	146.360.657	457.058.801
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.589.691.370	4.090.013.188
Thuế, phí và lệ phí	1.853.976.946	2.768.765.669
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(59.164.438.744)	23.632.210.077
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.998.952.722	3.862.977.542
Chi phí bằng tiền khác	10.835.095.535	18.332.817.424
Cộng	(9.767.761.722)	77.654.029.886
Chi phí quản lý các năm trước chưa phân bổ	7.670.012.352	6.083.677.678
Trích trước chi phí quản lý năm trước	741.921.409	305.947.446
Kết chuyển vào kết quả kinh doanh năm nay	(9.908.473.104)	76.503.669.175
Trích trước chi phí quản lý năm sau	-	741.921.409
Chi phí chờ kết chuyển sang năm sau	7.068.802.325	7.670.012.352

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	-	285.847.272
Tiền đặt cọc thuê văn phòng chấm dứt trước hạn	1.538.496.129	2.124.902.770
Phí y tế và bảo vệ công trình	-	4.547.221.257
Các khoản khác	192.876.729	192.723.926
Cộng	1.731.372.858	7.150.695.225

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt nộp chậm thuế	105.583.953	5.292.351
Chậm nộp quỹ Hỗ trợ sắp xếp Doanh nghiệp	40.146.041.595	44.962.369.982
Phí y tế và bảo vệ công trình	-	4.547.221.257
Chi phí khác	79.293.143	171.507.235
Cộng	40.330.918.691	49.686.390.825

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu (được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất).

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Tổng công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay nhập gốc	62.989.204.595	76.731.220.161
Thu hồi tiền cho vay bằng bù trừ công nợ	10.010.859.897	3.228.370.952
Góp vốn bằng bù trừ công nợ	439.198.870.000	442.240.040.625

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Tổng công ty không có công nợ và không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt chỉ có lương, thù lao với tổng tiền lương, thù lao trong năm là 5.262.014.141 VND (năm trước là 3.963.072.441 VND).

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tổng công ty gồm:

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty con
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Công ty con
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà 3 - Đaklô	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sông Đà Tây Đô	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Tây Nguyên	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Uerin	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9

Công ty Cổ phần Sông Đà 27

Mối quan hệ

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Tổng công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.6 và V.14, V.15 và V.19.

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tổng công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực Thủy điện: Sản xuất và bán điện thương phẩm
- Lĩnh vực khác: Cung cấp các dịch vụ cho thuê văn phòng, bán thiết bị và các dịch vụ khác.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	198.764.253.250	323.421.688.734	105.040.340.442	627.226.282.426
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	198.764.253.250	323.421.688.734	105.040.340.442	627.226.282.426
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	44.025.719.077	-	39.882.861.139	83.908.580.216
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(9.908.473.104)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	93.817.053.320
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	248.537.585.920
Chi phí tài chính	-	-	-	(226.986.670.809)
Thu nhập khác	-	-	-	1.731.372.858
Chi phí khác	-	-	-	(40.330.918.691)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				76.768.422.598
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	354.321.227	354.321.227
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.589.691.380	-	39.428.597.382	43.018.288.762

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	116.350.151.981	245.408.278.258	132.789.849.998	494.548.280.237
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	116.350.151.981	245.408.278.258	132.789.849.998	494.548.280.237
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	2.529.364.462	-	31.883.778.275	34.413.142.737
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(76.503.669.175)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	(42.090.526.438)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	399.406.109.560
Chi phí tài chính	-	-	-	(283.110.879.879)
Thu nhập khác	-	-	-	7.150.695.225
Chi phí khác	-	-	-	(49.686.390.825)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				31.669.007.643
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	6.040.044.561	6.040.044.561
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.095.856.380	-	32.892.134.196	36.987.990.576

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty như sau:

	Lĩnh vực Xây lắp	Lĩnh vực Thủy điện	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.066.645.602.505	30.343.294.507	995.222.067.723	4.092.210.964.735
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	10.335.770.819.870
Tổng tài sản				14.427.981.784.605
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	8.084.896.808.092	779.621.039.505	209.578.094.733	9.074.095.942.330
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	708.573.044.447
Tổng nợ phải trả				9.782.668.986.777
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	3.701.675.107.600	63.915.101.048	953.640.510.854	4.719.230.719.502
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	10.517.893.390.011
Tổng tài sản				15.237.124.109.513
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	9.333.844.712.715	606.933.721.460	244.819.383.399	10.185.597.817.574
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	474.685.303.281
Tổng nợ phải trả				10.660.283.120.855

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ - CTCP

Địa chỉ: Tòa nhà G10, số 493 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Khu vực trong nước	583.952.692.738	481.890.848.420
Khu vực nước ngoài	43.273.589.688	12.657.431.817
Cộng	627.226.282.426	494.548.280.237

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Người lập biểu

Trịnh Thị Anh Đào

Kế toán trưởng

Vũ Đức Quang

Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn

ANH ĐÀO